TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2026/DS-ST.
Ngày: 06-8-2026.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Nguyễn Văn Hiền**.
+ Ông **Trần Châu Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Quyên** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2026/QĐXXST-DS ngày 03/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 226/2026/QĐST-DS ngày 21/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Thành N** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Phan Văn Đ** - Sinh năm: 1992; địa chỉ: Số B, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2026, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Võ Thành N trình bày:

Ngày 19 tháng 3 năm 2023, ông N có cho ông Đ vay số tiền là 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng) với lãi suất vay là 1%/tháng, thời hạn vay từ ngày 19/3/2023 đến ngày 19/9/2024. Việc vay tiền có làm một tờ Hợp đồng cho mượn cá nhân ghi ngày 19/3/2023. Kể từ khi hết thời hạn vay thì ông N nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông Đ trả lại số tiền đã vay nhưng ông Đ chưa trả được khoản

tiền nào. Do vậy, ông N khởi kiện yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay là 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra ông N không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn là ông Phan Văn Đ vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bị đơn có địa chỉ ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Ông Đ vắng mặt tại phiên hòa giải vào ngày 03/7/2026, đồng thời ông N có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông N trình bày là ông có cho ông Đ vay 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng) theo Hợp đồng cho mượn cá nhân ghi ngày 19/3/2023. Ông Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã tống đạt theo quy định của pháp luật đối với Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo giao nộp chứng cứ nhưng ông Đ không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông N cũng như đối với tờ Hợp đồng cho mượn cá nhân ghi ngày 19/3/2023 mà ông N cung cấp. Trên cơ sở lời trình bày của ông N, tờ Hợp đồng cho mượn cá nhân ghi ngày 19/3/2023 xác định được ông N có cho ông Đ vay 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng) với lãi suất là 1%/tháng và đó là khoản vay có thời hạn.

[3.2] Ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả được khoản tiền nào cho ông N theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án, ông N trình bày là ông Đ chưa có trả khoản tiền nào cho ông, từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ông Đ vẫn còn nợ ông N số tiền vay là 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng) nên ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông N số nợ này.

[3.3] Về lãi suất, tiền lãi: Ông Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả khoản tiền lãi nào cho ông N theo Thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án; ông N không yêu cầu ông Đ trả tiền lãi nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông N được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho ông N. Cụ thể được tính như sau: 33.000.000VNĐ x 5% = 1.650.000VNĐ (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành N:

1/ Buộc ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ trả cho ông Võ Thành N số tiền vay còn nợ là 33.000.000VNĐ (ba mươi ba triệu đồng), ghi nhận ông N không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1) Hoàn trả lại cho ông Võ Thành N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông N đã nộp là 825.000VNĐ (tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0011287 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.2) Buộc ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ nộp 1.650.000VNĐ (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- T.H.A.D.S tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ, KT, TT và T.H.A-TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên